TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2019/DS-KDTM-ST.
Ngày: 30/5/2019.
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa – Thẩm phán: Ông Đặng Đình Tiến.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bá Hợp.

2. Ông Võ Thành Viên.

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 592/2018/TLST-DS, ngày 14/12/2019 về "Tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXX- ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 213 đường Thạch Lam, phường Phú Thạnh, quận T, Thành phố H; Đại diện theo ủy quyền có ông Lê Anh T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số 47/104 đường Nguyễn Hữu Tiến, phường Tây Thạnh, quận T, Thành phố H (Giấy ủy quyền số công chứng 034307, quyển số 14 TP/VPCC-SCC/HĐGD, lập ngày 19/11/2018 tại Văn phòng công chứng Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH P; Địa chỉ: Số 5/4 đường Nguyễn Văn Lượng, Phường 16, quận G, Thành phố H; Đại diện theo pháp luật: Bà Tôn Thanh T – Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Hoàng H; Địa chỉ: Số 5.14 C/c Võ Đình, phường Thới An, Quận X, Thành phố H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2018 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Anh T trình bày:

Ngày 27/7/2018 giữa bà Tôn Thị Thanh Thùy (đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH P) và bà Nguyễn Thị Thanh M (chủ hộ kinh doanh MyNa Foods) có thỏa thuận hợp đồng bằng miệng về mua bán hàng hóa là ức gà. Theo đó, bà T cung cấp hàng theo từng đợt cho bà M. Bà M có trách nhiệm ứng trước tiền hàng cho bà T. Các bên thỏa thuận miệng rằng: Ngay sau khi bà M chuyển tiền cho bà T thì bà T phải giao ức gà cho bà M.

Cùng ngày bà M chuyển tiền vào số tài khoản 160.320.538.74.10 tại ngân hàng Agribank chi nhánh Lý Thường Kiệt mang tên ông Phạm Hoàng H (số tài khoản do bà T cung cấp). Sau khi Công ty TNHH P nhận được tiền, bà T vẫn không chuyển hàng cho bà M theo như thỏa thuận. Bà M liên lạc với bà T thì bà T tránh mặt, không nghe điện thoại.

Ngày 6/8/2018, Công ty TNHH P và bà M có lập biên bản đối chiếu công nợ có nội dung: Công ty TNHH P xác nhận đến ngày 4/8/2018 bà M đã tạm ứng cho Công ty TNHH P số tiền là 341.372.000 đồng.

Cho đến nay Công ty TNHH P vẫn không chuyển hàng, luôn né tránh liên lạc.

Nay bà M khởi kiện Công ty TNHH P yêu cầu hoàn trả lại số tiền 341.372.000 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 6/8/2018 và tiền lãi phát sinh tạm tính là 4.030.086 đồng, tổng cộng 345.402.086 đồng.

Ngày 03/4/2019, bà M có đơn xin rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền 341.372.000 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH P còn hoạt động tại địa chỉ 5/4 đường Nguyễn Văn Lượng, Phường 16, quận G, Thành phố H. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 16, quận Gò Vấp và của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì Công ty TNHH P chưa đăng ký giải thể và thực tế còn hoạt động tại địa phương. Do đó, Tòa án đã triệu tập bà Tôn Thanh T là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH P đến Tòa án ghi lời khai, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên bà T vẫn vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hoàng H trình bày: Ông là nhân viên kế toán của Công ty TNHH P, được lãnh đạo phân công ông nhận tiền từ khách hàng trong đó có bà Nguyễn Thị Thanh M. Sau khi nhận tiền chuyển khoản từ bà M, ông đã nộp về Công ty TNHH P (do thời gian đã lâu, nên ông nhớ số tiền chuyển khoản khoảng 300.000.000 đồng). Công ty TNHH P đã làm biên bản đối chiếu công nợ số tiền ông đã nhận thay. Hiện nay ông đã nghỉ việc tại Công ty TNHH P nên ông không còn liên quan đến hoạt động của công ty. Và ông có đơn xin được vắng mặt trong những lần tòa án mời lên làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò vấp:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về nội quy phiên toà sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 73 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty TNHH P phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền đã nhận cho bà Nguyễn Thị Thanh M là 341.372.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Về *thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bà Nguyễn Thị Thanh M khởi kiện Công ty TNHH P về kiện đòi tài sản. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Lê Anh T trình bày bà M là chủ hộ kinh doanh MyNa Foods và Công ty TNHH P có thỏa thuận hợp đồng bằng lời nói trong đó đối tượng của hợp đồng mua bán là ức gà. Tại biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên xác nhận số tiền hàng hai bên giao nhận thì đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều vì mục đích lợi nhuận.

Công ty TNHH P đăng ký và hoạt động tại quận Gò Vấp.

Do đó, đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về người tham gia tố tụng:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty TNHH P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng với thủ tục được quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của đương sự:*

Căn cứ lời trình bày của đại diện nguyên đơn; "Biên bản đối chiếu công nợ số 03_06082018/BBĐCCN/PT ngày 06/8/2018" giữa bên bán là Công ty TNHH P với bên mua là bà M (Chủ hộ kinh doanh MyNa Foods) có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện Công ty TNHH P nhận tạm ứng của bà M số tiền 341.372.000 đồng. Sau khi nhận tiền tạm ứng bên bán không giao hàng. Như vậy, Công ty TNHH P đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng trong hợp đồng theo quy định tại Điều 34 Luật thương mại sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH P phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà M số tiền đã nhận là có cơ sở. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH P phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà M số tiền 341.372.000 đồng.

Ngày 03/4/2019, bà M có đơn xin rút yêu cầu tính lãi, nhận thấy việc rút đơn của bà M là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét về yêu cầu tính lãi của bà M.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 34 Luật Thương mại sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 6,7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh M đối với Công ty TNHH P:

Hủy bỏ hợp đồng bằng lời nói giữa bà Nguyễn Thị Thanh M và Công ty TNHH P. Buộc Công ty TNHH P phải giao trả cho bà Nguyễn Thị Thanh M số tiền 341.372.000 (ba trăm bốn mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi hai ngàn) đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

Công ty TNHH P phải chịu 17.068.600 (mười bảy triệu không trăm sáu mươi tám ngàn sáu trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.635.052 (tám triệu sáu trăm ba mươi năm ngàn không trăm năm mươi hai) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001668 ngày 14/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đình Tiến